

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC**

Địa chỉ: Số 3 Đường Hoa Đào, P 2, Q. Phú Nhuận, Tp. HCM

---

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC**

**Báo cáo tài chính năm 2016 kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**đã được kiểm toán**



## MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	7 - 10
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12
- Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 38



# CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC

Địa chỉ: Số 3 Đường Hoa Đào, P 2, Q. Phú Nhuận, Tp. HCM

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Cà Phê PETEC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2016 kết thúc ngày 31/12/2016.

Công ty Cổ Phần Cà Phê PETEC được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0304263392; cấp ngày 14 tháng 07 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh cấp.

**Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề của Công ty:** Thương mại, dịch vụ.

### Hình thức sở hữu vốn

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: **30.000.000.000 VND**

Vốn góp của các cổ đông đến ngày 31/12/2016: **30.000.000.000 VND**

### Hội đồng quản trị Công ty gồm:

Ông	: Nguyễn Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT
Ông	: Đinh Hoài Minh	Phó Chủ tịch
Bà	: Nguyễn Thị Việt Ánh	Thành viên
Ông	: Đặng Minh Khôi	Thành viên
Bà	: Đinh Thị Hồng Nga	Thành viên

### Ban Giám đốc Công ty gồm:

Ông	: Đinh Hoài Minh	Giám đốc
Ông	: Lê Phước Hậu	Phó Giám đốc
Ông	: Trần Hoàng Long	Phó Giám đốc

### Ban kiểm soát gồm:

Ông	: Hồ Hoàng Đức	Trưởng ban
Ông	: Nguyễn Xuân Lộc	Thành viên
Ông	: Khưu Kim Huê	Thành viên

### Các sự kiện sau ngày lập Báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập 31/12/2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### Công bố trách nhiệm của Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:



# CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC

Địa chỉ: Số 3 Đường Hoa Đào, P 2, Q. Phú Nhuận, Tp. HCM

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở thực hiện đầy đủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Việc lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục;

Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và bảo đảm rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh cho cùng kỳ, phù hợp với chuẩn mực, chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2017

TM. BAN GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC



ĐINH HOÀI MINH

01172  
ÔNG T  
NHIỆM H  
VỤ TƯ  
INH KẾ  
LIÊM TO  
IA NAM  
PHỒC

Số: 07.../BCKT/TC/2017/AASCS

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty cổ phần Cà phê PETEC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cà Phê PETEC, được lập ngày 07 tháng 01 năm 2017, từ trang 07 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám Đốc**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra các ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám Đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

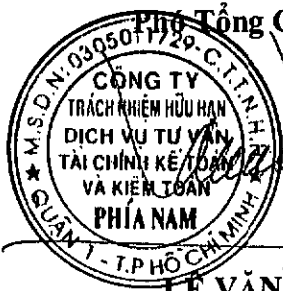


**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cà Phê PETEC tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

*Tp. HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2017*

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế Toán  
và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)**



**Phó Tổng Giám Đốc**

**LÊ VĂN TUẤN**

Số Giấy CNĐKHNKT 0479-2013-142-1

**Kiểm toán viên**

**LÊ VĂN THẮNG**

Số Giấy CNĐKHNKT 0974-2013-142-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>42.850.046.423</b>	<b>26.123.125.327</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>5.582.157.342</b>	<b>5.910.201.886</b>
1	Tiền	111		5.582.157.342	899.272.719
2	Các khoản tương đương tiền	112			5.010.929.167
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1	Chứng khoán kinh doanh	121			-
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			-
3	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>22.708.332.382</b>	<b>5.241.431.777</b>
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	8.600.745.250	2.788.602.581
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	507.568.000	2.423.500.640
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	13.600.019.132	25.146.720
7	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	137			
8	Tài sản thiếu chờ xử lý	139			4.181.830
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.05</b>	<b>6.690.367.237</b>	<b>7.262.515.752</b>
1	Hàng tồn kho	141		6.690.367.237	7.262.515.752
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>V.06</b>	<b>7.869.189.462</b>	<b>7.708.975.912</b>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151			13.739.643
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.405.282.494	6.231.329.301
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.463.906.968	1.463.906.968
4	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154			
5	Tài sản ngắn hạn khác	155			
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>41.320.194.871</b>	<b>42.007.144.603</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>V.07</b>	<b>2.526.000.000</b>	<b>2.526.000.000</b>
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		19.957.827.953	20.122.827.953
2	Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4	Phải thu dài hạn nội bộ	214			
5	Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6	Phải thu dài hạn khác	216			
7	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		(17.431.827.953)	(17.596.827.953)

011  
CÔNG  
TRÁCH NHIỆM  
KẾ TÍNH  
CHÍNH K  
VA KIỂM  
PHIA N  
- T.P.H

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC**

Địa chỉ : Số 3 Đường Hoa Đào, P2, Q.Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>36.824.914.871</b>	<b>37.511.864.603</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	7.374.841.871	8.061.791.603
	- Nguyên giá	222		19.091.196.089	19.091.196.089
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(11.716.354.218)	(11.029.404.486)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225			
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3	Tài sản cố định vô hình	227	V.09	29.450.073.000	29.450.073.000
	- Nguyên giá	228		29.450.073.000	29.450.073.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
	- Nguyên giá	231		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			
<b>IV.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.10	<b>1.969.280.000</b>	<b>1.969.280.000</b>
1	Đầu tư vào công ty con	251			
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3	Đầu tư góp vốn vào công ty khác	253		3.052.280.000	3.052.280.000
4	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(1.083.000.000)	(1.083.000.000)
5	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
1	Chi phí trả trước dài hạn	261			
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4	Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>270</b>		<b>84.170.241.294</b>	<b>68.130.269.930</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC**

Địa chỉ : Số 3 Đường Hoa Đào, P2, Q.Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>61.425.978.996</b>	<b>44.196.428.118</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>42.632.439.748</b>	<b>25.248.261.157</b>
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	3.165.928.944	2.818.932.515
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		916.942.906	52.210.000
3	Thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước	313	V.12	2.377.000	28.945.519
4	Phải trả người lao động	314		77.907.469	125.623.069
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315			
6	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9	Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	260.831.756	227.980.691
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	38.057.763.678	21.737.754.277
11	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		150.687.995	256.815.000
13	Quỹ bình ổn giá	323			
14	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324			
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>18.793.539.248</b>	<b>18.948.166.961</b>
1	Phải trả người bán dài hạn	331	V.15	18.523.539.248	18.678.166.961
2	Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3	Chi phí phải trả dài hạn	333			
4	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5	Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7	Phải trả dài hạn khác	337	V.16	270.000.000	270.000.000
8	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
9	Trái phiếu chuyển đổi	339			
10	Cổ phiếu ưu đãi	340			
11	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12	Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC**

Địa chỉ : Số 3 Đường Hoa Đào, P2, Q.Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>22.744.262.298</b>	<b>23.933.841.812</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.17	<b>22.744.262.298</b>	<b>23.933.841.812</b>
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.000.000.000	30.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2	Thặng dư vốn cổ phần	412			
3	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4	Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5	Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8	Quỹ đầu tư phát triển	418	V.17	14.617.486.364	14.617.486.364
9	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.17	(21.873.224.066)	(20.683.644.552)
	- LNST CPP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(20.683.644.552)	(13.546.840.364)
	- LNST CPP kỳ này	421b		(1.189.579.514)	(7.136.804.188)
12	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
2	Nguồn kinh phí	431			
3	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>440</b>		<b>84.170.241.294</b>	<b>68.130.269.930</b>

Lập, ngày 07 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám Đốc





Vũ Thị Lưu

Nguyễn Duy Minh

Minh Hoài Minh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	301.792.401.136	402.547.566.611
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			2.642.749.274
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		301.792.401.136	399.904.817.337
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	293.368.080.525	397.023.581.659
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.424.320.611	2.881.235.678
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	2.392.081.582	2.392.937.005
7	Chi phí tài chính	22	VI.04	2.767.637.418	3.883.785.455
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		801.445.875	987.579.715
8	Chi phí bán hàng	25		6.214.799.265	4.724.040.650
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		2.909.040.759	3.904.200.233
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.075.075.249)	(7.238.738.676)
11	Thu nhập khác	31	VI.05	174.574.453	220.969.488
12	Chi phí khác	32	VI.06	46.078.718	-
13	Lợi nhuận khác	40		128.495.735	221.369.488
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(946.579.514)	(7.016.804.188)
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(946.579.514)	(7.016.804.188)
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.10	(316)	(2.339)
19	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

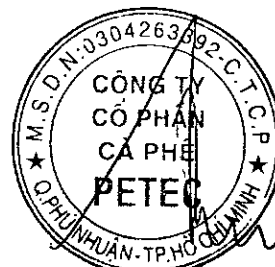
Lập, ngày 07 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám Đốc





Vũ Thị Lưu

Nguyễn Duy Minh

Đinh Hoài Minh

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC**

Địa chỉ : Số 3 Đường Hoa Đào, P2, Q.Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	Chi tiêu	Mã số	Năm 2016	Năm 2015
<b>I</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>			
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	304.857.032.403	425.465.007.596
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(303.930.752.764)	(425.266.805.127)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03	(3.387.843.294)	(3.163.394.277)
4	Tiền lãi vay đã trả	04	(801.445.875)	(983.495.885)
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	40.507.727.465	34.091.847.598
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(45.473.448.068)	(29.313.775.328)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(8.228.730.133)</b>	<b>829.384.577</b>
<b>II</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1	Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(52.280.000)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	70	1.406.683
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(15.035.000.000)	(5.010.929.000)
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	6.526.179.167	3.149.280.000
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		3.149.280.000
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	565.737.329	281.550.450
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(7.943.083.434)</b>	<b>1.518.307.971</b>
<b>III</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		
2	Tiền chi trả vốn góp cho các CSH mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32		
3	Tiền thu từ đi vay	33	157.181.237.651	155.902.724.769
4	Tiền trả nợ gốc vay	34	(141.337.468.628)	(154.646.151.214)
5	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>15.843.769.023</b>	<b>1.256.573.555</b>
<b>IV</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỶ (20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(328.044.544)</b>	<b>3.604.266.103</b>
1	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.910.201.886	2.305.935.783
	Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
2	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	5.582.157.342	5.910.201.886

Lập, ngày 07 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu

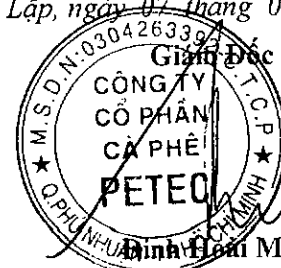


Vũ Thị Lưu

Kế toán trưởng



Nguyễn Duy Minh



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2016**

### **I- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

#### **1- Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần Cà phê PETEC được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0304263392; cấp lần đầu ngày 27 tháng 03 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh cấp. Thay đổi lần thứ 6 ngày 14 tháng 07 năm 2014.

**2- Lĩnh vực kinh doanh của Công ty:** Thương mại, dịch vụ.

**3- Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:**

- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.
- Bán buôn chuyên doanh khác.
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.
- Bán buôn thực phẩm (Mua bán thủy sản)
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
- Đại lý, môi giới, đấu giá (Đại lý bảo hiểm, môi giới thương mại).
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, đại lý vận tải đường biển, cung ứng tàu biển).
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** 12 tháng

**5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.**

Không có thay đổi nào làm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính năm 2016.

#### **6. Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có 3 chi nhánh:

- Chi nhánh Công ty CP Cà Phê Petec tại Hải Phòng.
- Chi nhánh Công ty CP Cà Phê Petec tại Lâm Đồng.
- Chi nhánh Công ty CP Cà Phê Petec – Cửa hàng xăng dầu Tân Thượng Lâm Đồng.

#### **7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Trong kỳ kế toán năm 2016 Công ty áp dụng chế độ kế toán theo thông tư số 200/2014/TT/BTC

0117  
CÔNG T  
HIỆM H  
VỤ TU  
NH KẾ  
LIÊM T  
Á NA  
PHỒ

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC

Địa chỉ: Số 3 Đường Hoa Đào, P 2, Q. Phú Nhuận, Tp. HCM

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Các thông tin so sánh đã được kiểm tra, phân loại phù hợp với số liệu cuối kỳ.

## II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

### 1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được quy định tại thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

### 2- Tuyên bố việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

## IV. Các chính sách kế toán áp dụng

### 1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

#### - Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### - Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Trong giai đoạn sản xuất, kinh doanh, kể cả việc đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp đang hoạt động, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Cuối kỳ kế toán, doanh nghiệp phải đánh giá lại số dư tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển có gốc ngoại tệ ra “đồng Việt Nam” theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Các nghiệp vụ khác liên quan đến ngoại tệ sẽ được thực hiện theo Thông tư 179/2012/TT-BTC



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC

Địa chỉ: Số 3 Đường Hoa Đào, P 2, Q. Phú Nhuận, Tp. HCM

ngày 24 tháng 10 năm 2012 và chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

### 2- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài Doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: Đầu tư góp vốn vào Công ty con, công ty Liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác..

- Các khoản đầu tư được coi như “tương đương tiền” là khoản đầu tư không có nhiều rủi ro, dễ chuyển đổi thành tiền và có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó
  - + Khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn;
  - + Khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

**Dự phòng tổn thất đầu tư:** Là khoản trích lập dự phòng đối với các khoản vốn doanh nghiệp đang đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được thành lập theo quy định của pháp luật như: Công ty Nhà nước, Công ty TNHH, Công ty Cổ phần, Công ty Hợp danh.. và các khoản đầu tư dài hạn khác phải trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà doanh nghiệp đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư); Doanh nghiệp chỉ được trích lập dự phòng khi tổng số vốn đầu tư thực tế của chủ sở hữu cao hơn tổng giá trị vốn chủ sở hữu thực có của tổ chức kinh tế được đầu tư; Việc trích lập và hoàn nhập khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác được thực hiện ở thời điểm lập báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư.

### 3- Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

**Dự phòng phải thu khó đòi:** Dự phòng nợ phải thu khó đòi là khoản dự phòng phần giá trị các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi.

**Đánh giá lại cuối kỳ:** Tại thời điểm lập báo cáo tài chính các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch. Không đánh giá lại các khoản trả trước cho người bán và các khoản chi phí trả trước bằng ngoại tệ trừ trường hợp tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và doanh nghiệp sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ.

### 4- Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC

Địa chỉ: Số 3 Đường Hoa Đào, P 2, Q. Phú Nhuận, Tp. HCM

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

### - Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Công ty tính giá trị hàng tồn kho theo phương pháp Bình quân gia quyền.

### - Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

### - Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại thời điểm cuối năm là khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho, không lập dự phòng cho khoản mục chi phí SXKD dở dang và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn.

## 4- Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

### - Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào điều kiện hoạt động như dự định. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được chuyển hoá thành tài sản cố định, còn những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và hao mòn lũy kế được khoá sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh tuân thủ theo qui định tại Thông tư 45/2013/TT -BTC của Bộ Tài Chính.

### - Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao được áp dụng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian ước tính như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao</u>
- Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	07 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm

## 5- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC

Địa chỉ: Số 3 Đường Hoa Đào, P 2, Q. Phú Nhuận, Tp. HCM

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh nhiều năm.

- Chi phí thành lập
- Chi phí trước hoạt động, chi phí chuẩn bị sản xuất;
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý;

Các chi phí trả trước có giá trị lớn cần được phân bổ dần trong nhiều quý nhưng không quá 01 năm tài chính hoặc không quá 01 chu kỳ sản xuất thông thường được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn. Còn các chi phí trả trước trên 12 tháng hoặc trên 01 chu kỳ sản xuất thông thường thì được trình bày là chi phí trả trước dài hạn.

### 6- Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nợ bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm lập báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn;

**Đánh giá lại số dư cuối kỳ:** Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch. Không đánh giá lại các khoản người mua trả tiền trước và các khoản doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, trừ trường hợp tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc doanh nghiệp không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ cho người mua.

### 7- Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Khoản mục này phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản vay, nợ thuê tài chính của Doanh nghiệp;

Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê;

Công ty hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản nợ. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ, kế toán phải theo dõi chi tiết nguyên tệ;

Phân loại các khoản vay và nợ thuê tài chính:



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC

Địa chỉ: Số 3 Đường Hoa Đào, P 2, Q. Phú Nhuận, Tp. HCM

- Các khoản có thời hạn trả nợ dài hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuế tài chính dài hạn;
- Các khoản có thời hạn trả nợ ngắn hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn;

### 8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi đó phát sinh, nếu có chênh lệch giữa số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### 9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả được lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

### 10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý và phân phối theo quy định tại điều lệ Công ty.

### 11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

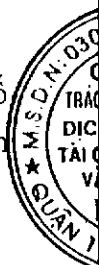
#### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC

Địa chỉ: Số 3 Đường Hoa Đào, P 2, Q. Phú Nhuận, Tp. HCM

trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 2 điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### 12- Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ;
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;
- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành;
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

### 13- Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý

Các chi phí quản lý chung chỉ được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

### 14- Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều

0117  
ÔNG  
NHẬN  
VỤ T  
HÌNH M  
KIỂM  
HIA N  
- T.P.H

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC

Địa chỉ: Số 3 Đường Hoa Đào, P 2, Q. Phú Nhuận, Tp. HCM

hơn hình thức pháp lý.

### 15- Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### 16- Công cụ tài chính

#### Tài sản tài chính

Theo thông tư 210/2009/TT-BTC, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có năng lực giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

#### Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC

Địa chỉ: Số 3 Đường Hoa Đào, P 2, Q. Phú Nhuận, Tp. HCM

chủ sở hữu.

Theo thông tư 210/2009/TT-BTC, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ ( trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

**Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH):** Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC**

Địa chỉ : Số 3 Đường Hoa Đào, P2, Q.Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh

<b>V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán</b>		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<b>01- TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN</b>		<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Tiền mặt		51.937.500	
CN Di Linh		51.937.500	
Tiền gửi ngân hàng		5.530.219.842	5.910.201.886
Tiền gửi VNĐ		361.080.404	856.336.660
Tiền gửi ngoại tệ		5.169.139.438	42.936.059
Các khoản tương đương tiền			5.010.929.167
	<b>Cộng</b>	<b>5.582.157.342</b>	<b>5.910.201.886</b>
<b>02- PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN</b>		<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Phải thu khách hàng trong nước</b>			
Công ty TNHH Như Linh		3.854.570	1.865.760
Nguyễn Tiến Dũng		4.191.000	4.195.600
DNTN CAN		10.279.550	25.814.350
An Xuân Lộc		9.435.250	4.577.890
DNTN Dung Ty		7.106.000	10.184.360
Công ty TNHH Phú Phát			781.440
Công ty CP CUNL tàu biển VINA			600.000
Công ty CP TM XNK Hoàng Hiền		1.200.000	
<b>Phải thu khách hàng nước ngoài</b>			
FRUMESA S.L		3.578.400.000	2.726.551.934
M/S.A bdul Stattar Shakook Kudia		1.465.440.000	
M/S FATTA TRADING CO		14.200.000	14.031.247
Eden val Trading LLC		1.443.946.880	
FORTUNE INTERNATIONAL		2.062.692.000	
	<b>Cộng</b>	<b>8.600.745.250</b>	<b>2.788.602.581</b>
<b>03- TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN</b>		<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty TNHH Thái Gia Sơn			2.354.109.600
Công ty TNHH Metro Cash & Carry - CN Bình Dương			37.408
Công ty TNHH Metro Cash & Carry Việt Nam (An Phú)			41.820
TCT Thương mại Kỹ thuật & Đầu tư (CTCP) PETEC - CN Hải phòng			2.145.618
TCT Thương mại Kỹ thuật & Đầu tư (CTCP) PETEC			67.166.200
Erapoly Global SDN. BHD		497.568.000	
Công ty Cp Chứng khoán Rồng Việt		10.000.000	
	<b>Cộng</b>	<b>507.568.000</b>	<b>2.423.500.646</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC**

Địa chỉ : Số 3 Đường Hoa Đào, P2, Q.Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh

**04- PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác	47.345.084	25.146.720
Phan Tấn Cường	25.146.720	25.146.720
Phải thu DN XNK Đồng Tiến (dư nợ 3388)	22.198.364	
Thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	13.552.674.048	
<b>Cộng</b>	<b>13.600.019.132</b>	<b>25.146.720</b>

**05- HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên vật liệu, vật liệu	9.891.246		9.891.246	
Hàng hóa	1.267.693.991		2.581.624.506	
Hàng hóa gửi bán	5.412.782.000		4.671.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>6.690.367.237</b>	<b>-</b>	<b>7.262.515.752</b>	<b>-</b>

**06- TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn		11.739.643
Thuế GTGT được khấu trừ	6.405.282.494	6.231.729.829
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	1.463.906.968	1.463.906.968
<b>Cộng</b>	<b>7.869.189.462</b>	<b>7.708.976.912</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC**

Địa chỉ : Số 3 Đường Hoa Đào, P2, Q.Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh

**07- CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
<b>Phải thu dài hạn của khách hàng</b>						
+ DNTN TM Trục Phát	335.337.000	-	(335.337.000)	335.337.000	-	(335.337.000)
+ Công ty TNHH TM và DV Phú Hải	37.487.648	-	(37.487.648)	37.487.648	-	(37.487.648)
+ Công ty TNHH Hậu Cần VT và TM Toàn Phát	146.000.000	-	(146.000.000)	146.000.000	-	(146.000.000)
+ DNTN Khánh Trân	19.000.000	5.000.000	(14.000.000)	19.000.000	5.000.000	(14.000.000)
+ Công ty TNHH Hương Giang	6.315.000.000	2.521.000.000	(3.794.000.000)	6.315.000.000	2.521.000.000	(3.794.000.000)
+ XNTN Thanh Bình	152.573.480	-	(152.573.480)	317.573.480	-	(317.573.480)
+ Công ty TNHH TM Thanh Trang	112.730.220	-	(112.730.220)	112.730.220	-	(112.730.220)
+ Công ty TNHH SX&TM XNK Tân Đình Phong	12.839.699.605	-	(12.839.699.605)	12.839.699.605	-	(12.839.699.605)
<b>Cộng</b>	<b>19.957.827.953</b>	<b>2.526.000.000</b>	<b>(17.431.827.953)</b>	<b>20.122.827.953</b>	<b>2.526.000.000</b>	<b>(17.596.827.953)</b>



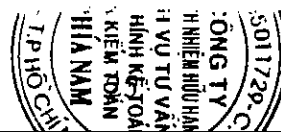


**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC**

Địa chỉ : Số 3 Đường Hoa Đào, P2, Q.Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh

**08- TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Chỉ tiêu		Nhà cửa - Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>I.</b>	<b>Nguyên giá</b>					
1.	Số dư đầu năm	11.402.861.273	5.303.206.925	2.281.118.351	104.009.540	19.091.196.089
2.	Số tăng trong năm	-	-	-	-	-
	- Mua sắm mới					
	- Tăng do đầu tư XDCB hoàn thành					
3.	Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
	- Giảm do thanh lý					
4.	Số dư cuối năm	11.402.861.273	5.303.206.925	2.281.118.351	104.009.540	19.091.196.089
<b>II.</b>	<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
1.	Số dư đầu năm	3.929.276.750	4.989.585.896	2.006.532.300	104.009.540	11.029.404.486
2.	Số tăng trong năm	505.150.740	73.979.100	107.819.892	-	686.949.732
	- Khấu hao trong năm	505.150.740	73.979.100	107.819.892		686.949.732
3.	Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
	- Giảm do thanh lý					
4.	Số dư cuối năm	4.434.427.490	5.063.564.996	2.114.352.192	104.009.540	11.716.354.218
<b>III.</b>	<b>Giá trị còn lại của TSCĐ HH</b>					
1.	Tại ngày đầu năm	7.473.584.523	313.621.029	274.586.051	-	8.061.791.603
2.	Tại ngày cuối năm	6.968.433.783	239.641.929	166.766.159	-	7.374.841.871



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC**

Địa chỉ : Số 3 Đường Hoa Đào, P2, Q.Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh

**09- TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Chỉ tiêu		Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
<b>I.</b>	<b>Nguyên giá</b>		
1.	Số dư đầu năm	29.450.073.000	29.450.073.000
2.	Số tăng trong năm	-	-
	- Mua sắm mới		
3.	Số giảm trong năm	-	-
	- Giảm do thanh lý		
4.	Số dư cuối năm	29.450.073.000	29.450.073.000
<b>II.</b>	<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
1.	Số dư đầu năm	-	-
2.	Số tăng trong năm	-	-
	- Khấu hao trong năm		
3.	Số giảm trong năm	-	-
	- Giảm do thanh lý		
4.	Số dư cuối năm	-	-
<b>III.</b>	<b>Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</b>		
1.	Tại ngày đầu năm	29.450.073.000	29.450.073.000
2.	Tại ngày cuối năm	29.450.073.000	29.450.073.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC**

Địa chỉ : Số 3 Đường Hoa Đào, P2, Q.Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh

**10- CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Tên khoản đầu tư	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty PETEC LAND	3.000.000.000	1.917.000.000	1.083.000.000	3.000.000.000	1.917.000.000	1.083.000.000
Công ty Pvoil Nam Định	52.280.000	52.280.000		52.280.000	52.280.000	
<b>Cộng</b>	<b>3.052.280.000</b>	<b>1.969.280.000</b>	<b>1.083.000.000</b>	<b>3.052.280.000</b>	<b>1.969.280.000</b>	<b>1.083.000.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC**

Địa chỉ : Số 3 Đường Hoa Đào, P2, Q.Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh

**11- PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	3.165.928.944	3.165.928.944	2.818.932.515	2.818.932.515
<b>Cộng</b>	<b>3.165.928.944</b>	<b>3.165.928.944</b>	<b>2.818.932.515</b>	<b>2.818.932.515</b>

**12- THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP CHO NN**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	22.345.519	224.521.998	246.867.517	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	81.717.736	81.717.736	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	(1.463.906.968)	-	-	(1.463.906.968)
Thuế xuất nhập khẩu	-	117.960.192	117.960.192	-
Tiền thuế đất	-	63.888.040	63.888.040	-
Thuế TNCN	6.600.000	33.828.100	38.051.100	2.377.000
Thuế môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-
	<b>(1.434.961.449)</b>	<b>527.916.066</b>	<b>548.484.585</b>	<b>(1.461.529.968)</b>

Ghi chú: (\*) Số thuế TNDN nộp thừa được lập ở chi tiêu thuế và các khoản phải thu Nhà nước (MS 153)

**13- CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	55.253.588	15.463.876
Bảo hiểm xã hội	47.916.258	2.683.238
Bảo hiểm thất nghiệp	14.185.310	13.567.742
Cổ tức lợi nhuận phải trả	143.476.600	145.276.600
Nhận ký quỹ ký cược CN Hải Phòng	-	36.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	14.989.235
<b>Cộng</b>	<b>260.831.756</b>	<b>227.980.691</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC

Địa chỉ : Số 3 Đường Hoa Đào, P2, Q.Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh

14- VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Đối tượng vay	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn Ngân hàng						
- Vay (VND) ngắn hạn - BIDV Bà Chiểu	1.380.000.000	1.380.000.000	27.560.000.000	32.785.300.000	6.605.300.000	6.605.300.000
- Vay (USD) ngắn hạn - BIDV Bà Chiểu	28.927.971.678	28.927.971.678	130.150.051.508	104.212.250.108	2.990.170.278	2.990.170.278
- Vay (USD) ngắn hạn - DAB Q.10	7.749.792.000	7.749.792.000	155.200.500	4.547.692.500	12.142.284.000	12.142.284.000
<b>Cộng</b>	<b>38.057.763.678</b>	<b>38.057.763.678</b>	<b>157.865.252.008</b>	<b>141.545.242.608</b>	<b>21.737.754.278</b>	<b>21.737.754.278</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC**

Địa chỉ : Số 3 Đường Hoa Đào, P2, Q.Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh

**15- PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN DÀI HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
TCT TMKT&ĐT - CTCP PETEC - CN Hải Phòng	11.670.957.560	11.670.957.560	11.670.974.076	11.670.974.076
TCT TMKT&ĐT - CTCP PETEC	6.852.581.688	6.852.581.688	7.007.192.885	7.007.192.885
<b>Cộng</b>	<b>18.523.539.248</b>	<b>18.523.539.248</b>	<b>18.678.166.961</b>	<b>18.678.166.961</b>

**16- PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận kỹ quỹ ký cược	270.000.000	270.000.000
<b>Cộng</b>	<b>270.000.000</b>	<b>270.000.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC**

Địa chỉ : Số 3 Đường Hoa Đào, P2, Q.Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh

**17- VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp	Vốn khác	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
A	1	3	4	6
Số dư đầu năm trước	30.000.000.000		14.617.486.364	(13.546.840.364)
Tăng vốn trong năm trước				(7.016.804.188)
Lãi trong năm trước				
Tăng khác				
Giảm vốn trong năm trước				
Lỗ trong năm trước				120.000.000
Giảm khác				
Số dư cuối năm trước	30.000.000.000	-	14.617.486.364	(20.683.644.552)
Số dư đầu năm nay	30.000.000.000	-	14.617.486.364	(20.683.644.552)
Tăng vốn trong năm nay				
Lãi trong năm nay				(946.579.514)
Tăng khác				
Giảm vốn trong năm nay				
Lỗ trong năm nay				
Giảm khác				243.000.000
Số dư cuối năm nay	30.000.000.000	-	14.617.486.364	(21.873.224.066)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC**

Địa chỉ : Số 3 Đường Hoa Đào, P2, Q.Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh

<b>b. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Vốn góp của các cổ đông	30.000.000.000	30.000.000.000
<b>Cộng vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>

<b>c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận, chia cổ tức</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	30.000.000.000	30.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ		
+ Vốn góp giảm trong kỳ		-
+ Vốn góp cuối kỳ	30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

<b>d. Cổ phiếu</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.000.000	3.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	3.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/cp (Mười ngàn đồng / cổ phiếu).

<b>e. Các quỹ của doanh nghiệp</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Quỹ đầu tư phát triển	14.617.486.364	14.617.486.364
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	150.687.995	256.815.085

<b>18- CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CĐKT</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
- USD	229.628,11	1.687,16
- EUR	195,49	206,4





**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC**

Địa chỉ : Số 3 Đường Hoa Đào, P2, Q.Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh

**VI- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh****01- DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CCDV**

- Doanh thu bán hàng và dịch vụ

**Cộng****Năm nay****Năm trước**

301.792.401.136

402.547.566.611

**301.792.401.136****402.547.566.611****02- GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

- Giá vốn hàng bán và dịch vụ

**Cộng****Năm nay****Năm trước**

293.368.080.525

397.023.581.659

**293.368.080.525****397.023.581.659****03- DOANH THU TÀI CHÍNH**

- Lãi tiền gửi ngân hàng
- Cổ tức, lợi nhuận được chia
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện

**Cộng****Năm nay****Năm trước**

564.196.429

19.061.882

1.540.900

262.440.000

1.826.344.253

2.111.435.123

**2.392.081.582****2.392.937.000****04- CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

- Chi phí lãi vay
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện

**Cộng****Năm nay****Năm trước**

801.445.875

987.579.715

1.966.191.543

2.896.205.740

**2.767.637.418****3.883.785.455****05- THU NHẬP KHÁC**

- Hoàn nhập dự phòng
- Thu nhập khác

**Cộng****Năm nay****Năm trước**

165.000.000

-

9.574.453

221.369.488

**174.574.453****221.369.488****06- CHI PHÍ KHÁC**

- Các khoản chi khác

**Cộng****Năm nay****Năm trước**

46.078.718

-

**46.078.718****-**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC**

Địa chỉ : Số 3 Đường Hoa Đào, P2, Q.Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh

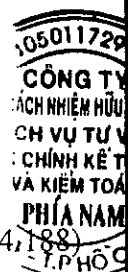
**07- CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	409.966.984	207.717.371
- Chi phí nhân công	3.978.183.428	3.473.510.680
- Chi phí khấu hao TSCĐ	493.408.656	698.136.539
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.507.486.486	2.591.571.958
- Chi phí khác bằng tiền	585.532.107	872.970.693

**08- THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG KỲ**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế, do đó số thuế trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo Quyết định của Cơ quan thuế khi thực hiện việc quyết toán thuế.

	Năm nay	Năm trước
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(946.579.514)	(7.016.804.188)
- Các khoản điều chỉnh Tăng hoặc Giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	-	-
+ Các khoản điều chỉnh Tăng		
+ Các khoản điều chỉnh Giảm		
- Tổng thu nhập chịu thuế	(946.579.514)	(7.016.804.188)
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>(946.579.514)</u>	<u>(7.016.804.188)</u>

**09- PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

- Lợi nhuận còn lại năm 2015 (lỗ)	(20.683.644.552)
- Lợi nhuận kinh doanh năm 2016 (Lỗ)	(946.579.514)
- Khoản chi khác hạch toán sau thuế	(243.000.000)
- Lợi nhuận đến ngày 31/12/2016 (lỗ)	(21.873.224.066)

**10- LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(946.579.514)	(7.016.804.188)
- Lợi nhuận dùng trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi		
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.000.000	3.000.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(316)	(2.339)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC**

Địa chỉ : Số 3 Đường Hoa Đào, P2, Q.Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Không có

**02- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có

**03- Thông tin về các bên liên quan****a. Các bên liên quan**

TCT TMKT và ĐT - CTCP

TCT TMKT và ĐT - CTCP - CN Hải Phòng

Ông Đinh Hoài Minh

**b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan:**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giá trị khoản phải trả (VND)
TCT TMKT và ĐT - CTCP	Công ty mẹ	11.670.957.568
TCT TMKT và ĐT - CTCP - CN Hải Phòng	CN Công ty mẹ	6.852.581.608

**04- Thông tin về Báo cáo bộ phận**

Báo cáo bộ phận theo các khu vực địa lý cho năm tài chính 2016 kết thúc ngày 31/12/2016 như sau:

Kết quả kinh doanh bộ phận:

Chỉ tiêu	Văn phòng	Xã Đình Lạc, Di Linh, Lâm Đồng	Xã Tân Thượng, Di Linh, Lâm Đồng	Hải Phòng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	285.042.537.840	8.410.022.284	8.225.841.012	114.000.000
Chi phí giá vốn	278.960.742.845	6.893.842.756	7.513.494.924	
Doanh thu HĐ tài chính	2.391.783.435	263.950	9.200	24.997
Chi phí tài chính	2.767.637.418			
Thu nhập khác	174.574.383	70		
Chi phí khác	45.244.682			834.036

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC**

Địa chỉ : Số 3 Đường Hoa Đào, P2, Q.Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh

**05- Công cụ tài chính**

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.582.157.342	5.910.201.886	5.582.157.342	5.910.201.886
Phải thu khách hàng	28.558.573.203	22.911.430.534	28.558.573.203	22.911.430.534
Trả trước cho người bán	507.568.000	2.423.500.646	507.568.000	2.423.500.646
Các khoản phải thu khác	13.600.019.132	25.146.720	13.600.019.132	25.146.720
<b>Cộng</b>	<b>48.248.317.677</b>	<b>31.270.279.786</b>	<b>48.248.317.677</b>	<b>31.270.279.786</b>

**Nợ phải trả tài chính**

Phải trả cho người bán	21.689.468.192	21.497.099.476	21.689.468.192	21.497.099.476
Người mua trả tiền trước	916.942.906	52.210.000	916.942.906	52.210.000
Vay và nợ	38.057.763.678	21.737.754.278	38.057.763.678	21.737.754.278
Phải trả người lao động	77.907.469	125.623.069	77.907.469	125.623.069
Các khoản phải trả khác	530.831.756	497.980.691	530.831.756	497.980.691
<b>Cộng</b>	<b>61.272.914.001</b>	<b>43.910.667.514</b>	<b>61.272.914.001</b>	<b>43.910.667.514</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

**Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính**

Các nhân tố rủi ro tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính:

Rủi ro thị trường

Rủi ro tín dụng

Rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, giám sát rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và các chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

**a. Rủi ro thị trường**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC

Địa chỉ : Số 3 Đường Hoa Đào, P2, Q.Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường gồm 3 loại : rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, và rủi ro về giá khác.

### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động của Công ty (khi doanh thu hoặc chi phí có gốc ngoại tệ khác so với tiền tệ chức năng của Công ty).

### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty không có rủi ro lãi suất do các khoản vay phát hành theo lãi suất cố định.

### *Rủi ro về giá khác*

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

## **b. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh ( chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách đưa ra chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình công nợ để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

### *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín tại Việt Nam. Công ty nhận thấy mức đột tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

## **c. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ PETEC

Địa chỉ : Số 3 Đường Hoa Đào, P2, Q.Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh

hưởng của những biến động về lương tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 6. Điều chỉnh trong Báo cáo tài chính năm trước do các thay đổi trong chính sách kế toán của năm nay

Không có

### 7. Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

### 8. Thông tin về số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía Nam, Số liệu này được phân loại lại theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của BTC để so sánh.

Lập, ngày 07 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu

Vũ Thị Lưu

Kế toán trưởng

Nguyễn Duy Minh

